

Bản án số: 17/2020/DS-PT

Ngày 05-02-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2019/TLPT-DS ngày 23/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2020/QĐ-PT ngày 20/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Minh H, sinh năm 1976

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh H: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, trong quá trình tố tụng và

tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Huỳnh Minh T trình bày:

Ông Lê Văn T là chủ đại lý thức ăn gia súc có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, tên hộ kinh doanh là Lê Văn T. Giữa ông T và ông H, bà M có làm hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc với nhau từ năm 2016, hình thức mua bán bằng lời nói hai bên thỏa thuận khi nào bà M và ông H bán heo thì trả tiền thức ăn cho ông T, nhưng sau đó bà M và ông H không trả như đã thỏa thuận mà chỉ trả dần. Đến ngày 10/6/2019, hai bên tổng kết nợ, số nợ vợ chồng ông H còn thiếu ông T là 363.846.000 đồng, ông H có ký xác nhận nợ trong giấy tay. Việc ông H và bà M mua thức ăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình nên ông T yêu cầu ông H, bà M có trách nhiệm liên đới trả số tiền 363.846.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, trong qua trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh H trình bày:

Bà M và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm mua bán thức ăn, thời điểm kết thúc việc mua bán như trong đơn khởi kiện của ông T. Bà M thừa nhận vợ chồng bà còn nợ tiền thức ăn của ông T số tiền là 363.846.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà M đồng ý trả nợ cho ông với số tiền 363.846.000 đồng nhưng bà xin trả dần mỗi năm là 12.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị M liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu. Buộc ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền 363.846.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2019 bà Nguyễn Thị M kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả dần 12.000.000 đồng/năm cho đến khi nào hết số nợ 363.846.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho bà được trả dần mỗi năm 12.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Việc bà M kháng cáo xin được trả dần không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên Bản án sơ thẩm số 123/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất với lời trình bày của ông T về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo cũng như số tiền mà ông bà còn nợ. Từ đó, có cơ sở xác định, ông H, bà M còn nợ ông T số tiền mua bán thức ăn là 363.846.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M xin trả dần số tiền 363.846.000 đồng, mỗi năm trả 12.000.000 đồng cho đến khi nào tất nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông T không đồng ý yêu cầu này. Hơn nữa, trong giai đoạn thi hành án thì các bên vẫn có quyền thỏa thuận với nhau về việc thi hành án. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị M về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền 363.846.000 (Ba trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị M phải liên đới nộp số tiền là 18.193.200 đồng (Mười tám triệu một trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho ông Lê Văn T số tiền 9.096.600 đồng (Chín triệu không tám chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0004294 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007412 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương